

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chỉ số cải cách hành chính đối với UBND các xã, thị trấn
năm 2024 và những năm tiếp theo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện Mỹ Tú tại Tờ trình số 277/TTr-PNV ngày 09/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chỉ số cải cách hành chính đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mỹ Tú.

(Đính kèm Phụ lục)

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm:

1. Tổ chức đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính của đơn vị mình thông qua phần mềm xác định chỉ số cải cách hành chính và tổng hợp báo cáo kết quả chỉ số cải cách hành chính gửi về Phòng Nội vụ huyện sau khi kết thúc chấm điểm trên phần mềm tỉnh; đồng thời phối hợp Phòng Nội vụ triển khai điều tra xã hội học liên quan đến công tác cải cách hành chính của đơn vị.

2. Trưởng Phòng Nội vụ huyện có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ số cải cách hành chính của các xã, thị trấn; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo và trình UBND huyện công bố Chỉ số cải cách hành chính của các xã, thị trấn; đồng thời phối hợp các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện rà soát, điều

chỉnh các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong bộ Chỉ số cải cách hành chính đảm bảo tính khách quan, khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và quy định của cấp trên (nếu có).

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Mỹ Tú về việc ban hành chỉ số cải cách hành chính đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn năm 2022 và những năm tiếp theo.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT.Huyện ủy, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban chỉ đạo cải cách hành chính và chuyển đổi số huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, MP/Qdpheduyet5. *PT*

KT **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Thanh Phong

PHỤ LỤC

**CÁCH HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN
NĂM 2024 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

(Kèm theo Quyết định số 13/29/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú)



STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XHH	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
1	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	88,00					Đơn vị báo cáo
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	33,00					
1.1	Kế hoạch CCHC hàng năm	0,50					
1.2	Mức độ triển khai kế hoạch CCHC hàng năm	1,00					
1.3	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ theo quy định	6,00					
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	12,50					
1.4.1	Thực hiện tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và của huyện (Chuyên trang CCHC)	10,00					
1.4.2	Thực hiện hình thức tuyên truyền CCHC khác	0,50					
1.4.3	Tích cực tham gia các phong trào tuyên truyền CCHC do huyện, tỉnh phát động	2,00					
1.5	Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành CCHC	3,00					
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng đối với CBCCVV của đơn vị	0,50					

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XHH	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
1.5.2	Người đứng đầu phụ trách công tác CCHC của đơn vị	0,50					
1.5.3	Sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC	2,00					
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND huyện giao	2,00					
1.7	Kiểm tra CCHC	2,00					
1.8	Đóng góp cải thiện Chỉ số CCHC huyện hàng năm	1,00					
1.9	Thực hiện chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC của đơn vị	5,00					
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	5,00					
2.1	Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	4,00					
2.1.1	Công tác kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	2,00					
2.1.2	Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	2,00					
2.2	Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	1,00					
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	10,00					
3.1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trong năm	1,00					
3.1.1	Thực hiện rà soát TTHC theo thẩm quyền	0,50					
3.1.2	Đơn giản hóa TTHC	0,50					



STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XHH	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
3.2	Công bố, công khai TTHC	2,00					
3.2.1	Niên yết, công khai TTHC tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC đầy đủ theo quy định	2,00					
3.2.2	Niên yết, công khai TTHC tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC chưa đầy đủ theo quy định	-					
3.3	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0,50					
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1,50					
3.4.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa	0,50					
3.4.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	0,50					
3.4.3	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại đơn vị	0,50					
3.5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5,00					
3.5.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	2,00					
3.5.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	2,00					



STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XHH	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
3.5.3	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	1,00					
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	6,00					
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức, đơn vị hành chính cấp xã theo quy định	2,00					
4.1.1	Tổ chức sắp xếp, phối hợp sắp xếp bộ máy theo quy định	2,00					
4.1.2	Tổ chức sắp xếp, phối hợp sắp xếp bộ máy chưa đúng quy định	0,00					
4.2	Cơ cấu số lượng lãnh đạo	2,00					
4.2.1	Số lượng lãnh đạo UBND cấp xã đúng quy định	2,00					
4.2.2	Số lượng lãnh đạo UBND cấp xã chưa đúng quy định	0,00					
4.3	Sử dụng biên chế, số lượng người làm việc được giao hoặc phê duyệt	2,00					
4.3.1	Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện có mặt không vượt so với quy định	2,00					
4.3.2	Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã hiện có mặt vượt so với quy định	0,00					
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	10,00					
5.1	Thực hiện tiêu chuẩn ngạch công chức	1,00					
5.2	Thực hiện tinh giản biên chế	1,00					



STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XHH	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
5.3	Thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã	1,00					
5.4	Thực hiện quy định phê chuẩn kết quả bầu cử, công nhận chức danh cán bộ cấp xã	1,00					
5.5	Phân công, bố trí công chức theo vị trí tuyển dụng	1,00					
5.6	Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, hàng năm	1,00					
5.7	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	1,00					
5.8	Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	1,00					
5.9	Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	2,00					
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	5,50					
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại địa phương	1,50					
6.1.1	Xây dựng và cập nhật, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	0,50					
6.1.2	Công khai dự toán và quyết toán ngân sách (năm trước liền kề) theo quy định	0,50					
6.1.3	Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị năm trước liền kề	0,50					



STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XHH	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
6.2	Có chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức với mức chi tối thiểu 0,2 lần lương cơ sở/người/tháng	4,00					
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ	18,50					
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	15,50					
7.1.1	Xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	2,00					
7.1.2	Công khai thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	1,00					
7.1.3	Tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	2,00					
7.1.4	Cung cấp dịch vụ công (trực tuyến, bưu chính công ích)	3,50					
7.1.5	Đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giai quyết thủ tục hành chính	2,00					
7.1.6	Công Dịch vụ công Quốc gia	1,00					
7.1.7	Các phần mềm dùng chung	1,00					
7.1.8	Kết nối, chia sẻ dữ liệu	1,00					
7.1.9	Công/trang thông tin điện tử	1,00					
7.1.10	Tiêu chí khác liên quan đến Chuyển đổi số	1,00					
7.2	Cơ quan có thực hiện duy trì, cải tiến áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015	3,00					



STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XHH	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	12,00					
1	Nâng cao tỷ lệ Chi số CCHC của đơn vị	2,00					Đơn vị báo cáo
2	Tác động của công tác chi đạo điều hành CCHC	2,00					DTXHH
3	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy	2,00					DTXHH
4	Tác động của cải cách đến cán bộ, công chức	2,00					DTXHH
5	Tác động của cải cách tài chính công	2,00					DTXHH
6	Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử	2,00					DTXHH
TỔNG CỘNG		100,00					

STT	Xếp loại	Tỷ lệ
1	Rất tốt	Trên 90%
2	Tốt	Từ 80% đến 90%
3	Khá	Từ 65% đến dưới 80%
4	Trung bình	Từ 50% đến dưới 65%
5	Kém	Dưới 50%

Ghi chú:

1. Điểm Chỉ số đạt được của từng cơ quan, đơn vị sẽ được quy đổi thành tỷ lệ % trên cơ sở tính tổng điểm đạt được/tổng điểm chuẩn
2. Đối với những đơn vị không được giao thực hiện nội dung công việc (theo chức năng, nhiệm vụ quy định) nêu tại các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Phụ lục này, cách tính điểm Chỉ số CCHC được thực hiện theo phương pháp hạ điểm chuẩn tại các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần không thuộc phạm vi thực hiện.